

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “*tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (*Nghị quyết số 29-NQ/TW*); Kế hoạch số 13-KH/TW, ngày 28/11/2023 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII “*về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” (*Kế hoạch số 13-KH/TW*); Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 29-NQ/TW; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong công tác đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và nhân dân trong xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Yêu cầu

- Nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và tầm nhìn về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần thực hiện để triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; triển khai một cách kịp thời, đồng bộ, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Phát huy và khai thác các nguồn lực của xã hội, các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Tỉnh Lâm Đồng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, có tính cạnh tranh cao, một số sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế, nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Nông nghiệp phát triển nhanh, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ tiên tiến, gắn với bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái cảnh quan thiên nhiên. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh được nâng cao, hình thành các dịch vụ mới, có giá trị cao. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là một khâu đột phá quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*GRDP*) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7,5 - 8,5%/năm; *GRDP* bình quân đầu người đạt khoảng 135 triệu đồng, tương đương 5.100 USD.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 13% - 14,5%/năm; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,7% - 16,5%/năm và chiếm khoảng 65% cơ cấu ngành công nghiệp.

- Tỷ trọng thương mại điện tử đạt trên 20% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; 45% doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32,1%; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động dưới 20%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 58,8%. Phân đầu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (*đất, nước, khoáng sản*).

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 29-NQ/TW; nâng cao nhận

thức các tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân; tuyên truyền gắn kết mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách, hệ thống quy hoạch quốc gia và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan; tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh và điều kiện mới của địa phương.

- Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 để thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; giai đoạn 2031 - 2045, nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 48-CTr/TU, ngày 30/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập, quản lý quy hoạch phục vụ tốt việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư xây dựng, phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch, nghỉ dưỡng; tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch trọng điểm của tỉnh.

- Tập trung phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển các đô thị trung tâm vùng với những tính chất, chức năng phù hợp điều kiện tự nhiên, lợi thế từng đô thị, tạo mạng lưới liên kết theo các chức năng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và du lịch nghỉ dưỡng, gắn kết chặt chẽ, tạo động lực phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Rà soát các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật đối với các đô thị cho giai đoạn 2023 - 2025 để xây dựng kế hoạch đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị theo lộ trình phù hợp; đề ra các giải pháp nâng cao tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; đẩy mạnh việc đầu tư, khai thác các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật theo hướng xã hội hóa. Hoàn thành tiêu chí dân cư đô thị sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển lĩnh vực giao thông vận tải giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với Quy hoạch ngành, vùng Tây Nguyên để đẩy nhanh thu hút, huy động tối đa nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là tuyến đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc và Bảo Lộc - Liên Khương; tăng cường kết nối giao thông liên vùng với các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ,... Tổ chức nghiên cứu, từng bước đầu tư khôi phục tuyến đường sắt đô thị thành phố Đà Lạt theo định hướng quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận; mở rộng, khai thác các tuyến bay nội địa, quốc tế (*đi Úc, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Campuchia*) đến Cảng hàng không Liên Khương, nâng cấp sân bay Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E.

- Triển khai Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và hoạt động sản xuất của người dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ thể người dân, huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại trong việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng. Hoàn thiện hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp các tiện ích về ứng dụng giao thông thông minh trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

3. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; đặc biệt, tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nhất là các nhà khoa học trẻ, tài năng, trình độ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của địa phương,... Tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường trong thời kỳ hội nhập kinh tế; từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đặc biệt, khuyến khích xã hội đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai các định hướng nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế tiềm năng, thế mạnh, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội ưu tiên trên cơ sở ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ. Tăng cường việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế để chuẩn hóa trong công tác sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Xác lập quản lý và phát triển các tài sản trí tuệ, hỗ trợ xác lập, quản lý và chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương.

- Gắn kết giữa công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống, tăng cường mối liên kết giữa nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông, tăng hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi kết thúc, đưa kết quả của các nghiên cứu đi vào thực tiễn phục vụ đời sống sản xuất.

- Liên kết, hợp tác đào tạo với các viện, trường trong và ngoài nước thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa các viện, trường và doanh nghiệp; nâng cao năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022

của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Rà soát, hoàn thiện các chiến lược, đề án về giáo dục, đào tạo, phát triển nhân lực địa phương phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ban hành các cơ chế, chính sách mới nhằm khắc phục các khó khăn, bất cập, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của tỉnh; xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động; hệ thống ngành, nghề trọng điểm quốc gia trên địa bàn tỉnh được đầu tư đồng bộ, xây dựng trường cao đẳng chất lượng cao để tổ chức đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu xã hội; trong đó có 01 - 02 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong nước; xây dựng phương án tự chủ, thực hiện xây dựng đề án chuyển đổi trường công lập ở một số cấp học, ngành học sang trường chất lượng cao, tự chủ về tài chính, nhân lực, hoạt động theo mô hình cung ứng dịch vụ của cơ chế thị trường.

4. Về lĩnh vực công nghiệp - thương mại

- Phát triển công nghiệp có chọn lọc, các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh theo Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quan tâm ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Duy trì phát triển ổn định, bền vững thủy điện; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, bảo đảm không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực an ninh, quốc phòng; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm; xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng, hệ thống giao thông, hệ thống xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp ...; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp; tăng cường thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước vào các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm tính khả thi, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; hạn chế những ngành, nghề phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường...

- Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ, phục vụ phát triển đô thị và công nghiệp, đồng thời đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của

tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu công nghiệp hóa đề ra. Xây dựng và phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, cụm công nghiệp để giải quyết chỗ ở cho công nhân, nhằm thu hút nhân lực có trình độ khoa học kỹ thuật giỏi, công nhân lành nghề từ nơi khác về làm việc.

- Hình thành 01 trung tâm Logistics tại thành phố Bảo Lộc và 01 trung tâm Logistics chuyên dụng gắn liền hoặc có đường giao thông thuận tiện, kết nối trực tiếp đến cảng hàng không Liên Khương để phát triển Logistics tỉnh Lâm Đồng.

- Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, dịch vụ không tiếp xúc trên toàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đấu tranh phòng, chống các hành vi gian lận thương mại.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh bằng cả hai hình thức (*trực tuyến và trực tiếp*), trong đó tập trung vào xúc tiến thương mại các mặt hàng chủ lực của địa phương. Tiếp tục triển khai kế hoạch về hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, xây dựng hàng rào kỹ thuật để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng và xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu, chủ động sản xuất, phòng tránh các hàng rào thương mại để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mặt hàng mới và thâm nhập thị trường hiệu quả.

5. Về lĩnh vực thông tin và truyền thông

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; hoàn thiện nền tảng cơ bản xây dựng chính quyền điện tử theo kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng, phiên bản 2.0; xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh.

- Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

- Tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin, truyền thông, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ số, phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, băng thông rộng, vùng phủ lớn đến hầu hết thôn, xóm trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu về hạ tầng cho chuyển đổi số. Ưu tiên phát triển nhanh mạng di động 5G; phổ cập điện thoại thông minh đến người dân; hoàn thành xây dựng hạ tầng số và thực hiện chuyển đổi IPv6 trên thiết bị viễn thông, thiết bị truy cập có kết nối Internet của toàn bộ hệ thống thông tin kết nối Internet băng thông rộng của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố phục vụ phát triển chính phủ số.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân; thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào cuộc sống, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Về nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn*” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành, bền vững, hiện đại có hạ tầng tương đối hoàn thiện, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; có các điều kiện tiệm cận với các nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới, có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao; hình thành hệ thống lương thực bền vững, hiệu quả, linh hoạt đảm bảo an ninh lương thực. Ưu tiên thực hiện các giải pháp tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển đa dạng ngành nghề tại nông thôn, phát triển và gìn giữ các nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển mô hình du lịch canh nông.

- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ theo hướng đồng bộ, hiện đại; tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đông bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp với công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường, phát triển sản xuất hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị. Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, bảo đảm truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, “*làng nông thuận thiên*” ứng dụng công nghệ số.

7. Về lĩnh vực văn hóa, du lịch

- Thực hiện các chính sách, đề án nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, “*xây dựng nông thôn mới*”, “*đô thị văn minh*”; chú trọng phát triển ngành công nghiệp văn hóa phát triển đa dạng, đồng bộ, bền vững và hiện đại, được ứng dụng công nghệ tiên tiến, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có thương hiệu uy tín, đáp ứng nhu cầu của người dân, đạt được tiêu chuẩn và tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn quốc.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành và triển khai các đề án trọng tâm về du lịch, định hướng và quy hoạch phát triển du lịch theo hướng chất lượng cao và bền vững; đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển du lịch, thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước thực hiện đầu tư, phát triển thương hiệu, khai thác kinh doanh

du lịch tại Lâm Đồng; định hướng phát triển các sản phẩm chủ đạo như: Du lịch sinh thái gắn với tham quan, văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch canh nông gắn với quảng bá, tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của địa phương, thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa phục vụ du lịch; tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, xây dựng hình ảnh, định vị thương hiệu, thực hiện chuyển đổi số trong xúc tiến, quảng bá, phát triển du lịch địa phương; thực hiện liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, nghiên cứu thị trường tại các thị trường trọng điểm như: Thái Lan, Singapore, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

8. Chú trọng công tác phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục các nguồn gây ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào bảo vệ môi trường, thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế về bảo vệ môi trường

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục về môi trường đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ các quy định và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường; hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu, cụm công nghiệp; tăng cường công tác quản lý chất thải nguy hại trong các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, y tế, nghiên cứu khoa học...

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học, chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch, bệnh trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường công tác khuyến nông, huấn luyện kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp nhằm hạn chế dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên đồng ruộng; cải thiện điều kiện vệ sinh chuồng trại chăn nuôi; đẩy mạnh thu gom và xử lý các loại phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp và chăn nuôi, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ xây dựng các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân vi sinh, than hoạt tính,...

- Thực hiện công tác thu gom, phân loại tại nguồn và đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; triển khai các nhiệm vụ giảm phát thải khí nhà kính; thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng nhiên liệu sinh học từ cây trồng và phụ phẩm nông nghiệp; hạn chế canh tác nông nghiệp ở những khu vực có rừng, đồng cỏ, thảm thực vật.

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, đặc biệt là các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng,...; hạn chế đến mức thấp nhất việc gây tổn hại đến tài nguyên; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc...; xử lý nghiêm các hành vi chặt phá, khai thác, lấn chiếm rừng, đất rừng...; triển khai hiệu quả Đề án trồng 50 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn, bảo đảm quan trắc đầy

đủ, chính xác các yếu tố khí hậu,... tạo cơ sở cho việc nghiên cứu biến đổi khí hậu và các hiện tượng khí hậu cực đoan, cung cấp kịp thời thông tin khí tượng thủy văn nguy hiểm cho các hoạt động chỉ đạo phòng chống và thích ứng.

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái sử dụng chất thải; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải với chi phí thấp trong xử lý chất thải khu vực nông thôn, các công nghệ hiện đại, ít tiêu tốn năng lượng, ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế về môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; tranh thủ các nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, công nghệ từ các nước, các tổ chức quốc tế và các cá nhân cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai các dự án hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về bảo vệ môi trường, tập trung vào lĩnh vực tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, sinh kế, quản lý và bảo vệ rừng bền vững,...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 13-KH/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 13-KH/TW và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương và Chương trình hành động này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Ban Tuyên giáo, Ban Kinh tế Trung ương (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- TTHĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, BTV Tỉnh đoàn, các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, Phòng KT-XH.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận